

CÁC YẾU TỐ CẢN TRỞ SỰ THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA PHỤ NỮ - NHÌN TỪ QUAN ĐIỂM GIỚI (TRƯỜNG HỢP TỈNH AN GIANG)

PHAN THUẬN^(*)
TRẦN THỊ KIM LIÊN^(**)

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhu cầu tất yếu của các nhà khoa học nữ trong xã hội bình đẳng giới. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, phụ nữ còn gặp khá nhiều rào cản khi tham gia nghiên cứu khoa học. Đối với các đề tài khoa học ở các cấp càng cao, phụ nữ càng ít có cơ hội tham gia. Nội dung bài viết khái quát về tình hình tham gia nghiên cứu khoa học của phụ nữ hiện nay, đồng thời phân tích các yếu tố cản trở sự tham gia của phụ nữ trong nghiên cứu khoa học từ quan điểm giới, nghiên cứu trường hợp các cơ sở giáo dục-đào tạo tại tỉnh An Giang. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học gặp khá nhiều rào cản, từ những rào cản liên quan đến bản thân, gia đình cho đến những rào cản thuộc về cơ chế chính sách, môi trường làm việc...

1. Về sự tham gia nghiên cứu khoa học của phụ nữ hiện nay

Theo báo cáo của UNESCO năm 2006, trên thế giới phụ nữ làm khoa học chỉ chiếm khoảng 27% trong tổng số các nhà khoa học trên toàn thế giới. Tuy nhiên, đây chỉ là tỷ lệ bình quân, thực tế sự cách biệt giữa các nước và các châu lục là rất lớn. Chẳng hạn ở châu Phi tỷ lệ này là 29%, ở châu Á chỉ là 15%. Tại châu Âu, 32% nhân viên trong các phòng thí nghiệm quốc gia và 18% nhân viên trong các phòng thí nghiệm tư nhân là nữ giới. Điều đó cho thấy, tỷ lệ phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học

trên thế giới còn khá khiêm tốn. Bên cạnh đó, tỷ lệ các nhà khoa học nữ được trao tặng các giải thưởng khoa học, đặc biệt là giải Nobel – giải thưởng khoa học danh giá nhất, còn khiêm tốn hơn nữa. (dẫn theo L'OREAL Vietnam, <http://www.phunutrongkhoahoc.com/home/index.php?..>).

Ở Việt Nam hiện nay, phụ nữ đã và đang tham gia một cách tích cực vào đời sống xã hội trên nhiều lĩnh vực khác nhau, nghiên cứu khoa học là một trong

^(*) ThS., Học viện Chính trị Khu vực IV.

^(**) ThS., Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu KHXH&NV, Đại học An Giang.

số đó. Nhiều nhà khoa học nữ đã được giao nắm giữ cương vị lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức nghiên cứu khoa học. Nhiều nhà khoa học nữ cũng đã tham gia nghiên cứu khoa học với những phát minh, sáng kiến, cải tiến ứng dụng mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh cũng như trong đời sống, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thêm của cải cho xã hội, cải thiện chất lượng cuộc sống. Điều đó đã góp phần tạo dựng một vị thế nhất định của phụ nữ trong xã hội hiện đại nói chung và trong nghiên cứu khoa học nói riêng, làm thay đổi những định kiến về vai trò của phụ nữ trong xã hội. Một số nghiên cứu đã thừa nhận rằng, hiện nay cán bộ nữ ở các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, học viện đều có trình độ chuyên môn khá cao. Nhờ đó, họ có điều kiện thuận lợi để tham gia nghiên cứu khoa học (Lưu Phương Thảo, 2002; Nguyễn Đình Tấn, 2007; Nguyễn Thị Tuyết, 2003 và 2007; Lê Tuấn, 2011; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2006).

Mặc dù vậy, tỷ lệ phụ nữ tham gia làm chủ nhiệm đề tài các cấp vẫn còn hạn chế. Đối với các đề tài cấp càng cao thì tỷ lệ phụ nữ làm chủ nhiệm đề tài càng thấp. Có 37,5% chủ nhiệm đề tài cấp bộ là nữ, 27,8% làm chủ nhiệm đề tài cấp nhà nước và 11,1% làm chủ nhiệm đề tài sản xuất thủ (Nguyễn Thị Tuyết, 2007, tr.50).

Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, cơ chế, chính sách phù hợp, cộng với nỗ lực của bản thân cũng như sự ủng hộ của người thân trong gia đình là những yếu tố thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong nghiên cứu khoa học (Nguyễn Thị Tuyết, 2003; Nguyễn Thị Bích Thuận,

2012; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2006). Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, các nhà khoa học nữ tham gia nghiên cứu khoa học vẫn còn gặp khá nhiều khó khăn. Đặc biệt, áp lực công việc gia đình và thiếu sự ủng hộ của người thân là những rào cản lớn khiến cho sự nghiệp nghiên cứu khoa học của phụ nữ đã gian nan càng gian nan hơn (Nguyễn Đình Tấn, 2007; Nguyễn Thị Tuyết, 2007; Trần Thị Vân Anh và Trần Thị Lan, 2010).

II. Những yếu tố cản trở sự tham gia nghiên cứu khoa học của phụ nữ

Thực tế cho thấy, nghiên cứu khoa học là một công việc đầy gian khó đối với cả nam giới và nữ giới. Tuy nhiên, phụ nữ càng gặp nhiều khó khăn hơn khi bước chân vào nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu thực tế của chúng tôi tại các cơ sở giáo dục-đào tạo tỉnh An Giang^(*) sẽ góp phần làm rõ hơn về vấn đề này.

Tỉnh An Giang hiện nay có 1 trường đại học, 3 trường cao đẳng và 1 trường trung cấp. Tổng số cán bộ nữ có trình độ thạc sĩ trở lên (tạm gọi là cán bộ khoa học nữ, hay gọi tắt là cán bộ nữ) đang công tác và tham gia cộng tác với các đơn vị này khoảng trên 120 người. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi đối với 120 đối tượng cán bộ nữ này và thực hiện 15 cuộc phỏng vấn sâu đối với các nhà khoa học cả nam và nữ (trong đó có một số cán bộ lãnh đạo các trường) ở các trường đại học, cao đẳng,

^(*) Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu do chúng tôi thực hiện tại tỉnh An Giang vào tháng 5/2014. Xem: Trần Thị Kim Liên (chủ nhiệm) (2014), *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của phụ nữ trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo ở An Giang*, Đề tài khoa học thuộc Dự án "Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ nữ" do UNDP tài trợ.

trung cấp trên địa bàn tỉnh. Việc nghiên cứu định lượng nhằm mục đích giúp phụ nữ nhận diện được những rào cản đối với họ khi tham gia nghiên cứu khoa học. Đồng thời, kết quả nghiên cứu định tính từ phỏng vấn sâu nhằm làm rõ sự tương đồng và khác biệt từ quan điểm giới về cách nhận diện những rào cản của phụ nữ khi tham gia nghiên cứu khoa học. Từ những kết quả thu được, chúng tôi nhận thấy, việc tham gia nghiên cứu khoa học của phụ nữ hiện nay còn gặp phải những rào cản sau:

1. Tâm lý tự ti và an phận

Kết quả khảo sát cho thấy, có 44,5% cán bộ nữ thừa nhận rằng, sự tự ti về khả năng của bản thân là rào cản khiến cho việc tham gia nghiên cứu khoa học của họ bị hạn chế. Các dữ liệu định tính đều thống nhất với nhau rằng, một bộ phận phụ nữ vẫn còn tâm lý tự ti, e ngại khó khăn, bằng lòng với những gì đã có, chưa có tinh thần phấn đấu vươn lên. Sự chênh lệch giữa nam giới và phụ nữ không phụ thuộc vào năng lực và trình độ, mà nó liên quan đến phạm vi hoạt động và uy tín. Nữ giới thường chưa tự tin trong nghiên cứu khoa học, chưa hoàn toàn vượt qua được những định kiến xã hội. Điều đó dẫn đến sự chênh lệch giữa phụ nữ và nam giới trong nghiên cứu khoa học cũng như trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Bên cạnh tâm lý tự ti, an phận, bằng lòng với cuộc sống, phần lớn các ý kiến của nam giới đều cho thấy, thiếu đam mê cũng là yếu tố khiến cho sự tham gia nghiên cứu khoa học của các cán bộ nữ bị hạn chế. Không ít cán bộ nữ lảng tránh hoạt động nghiên cứu, không tích cực tham gia cộng tác với các nghiên cứu với nhiều lý do khác nhau.

Không có đam mê thì rất khó có thể theo đuổi nghiên cứu khoa học. Ngược lại, nếu họ có niềm đam mê, mọi khó khăn, trở ngại sẽ không thể là rào cản đối với họ trên con đường đến với khoa học.

Ngoài ra, phần lớn nam giới được khảo sát còn cho rằng, không ít cán bộ nữ gặp khó khăn trong nghiên cứu khoa học là do thói quen truyền thống của phụ nữ nói chung vốn rất kín đáo và dè dặt trong các mối quan hệ, điều đó khiến họ bị hạn chế cơ hội tiếp cận và tham gia các đề tài nghiên cứu. Tuy nhiên, đây có thể là nhận định ít nhiều chủ quan, các bằng chứng nghiên cứu từ dữ liệu định tính cũng như các ý kiến phỏng vấn sâu đối với nhóm nữ trong nghiên cứu của chúng tôi không thể hiện điều này.

Như vậy, có sự khác biệt từ quan điểm giới trong đánh giá các yếu tố rào cản đối với phụ nữ khi tham gia nghiên cứu khoa học. Hơn một nửa cán bộ nữ không cho rằng sự tự ti, an phận là rào cản đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học của họ. Trong khi đó, các ý kiến nam giới đều thừa nhận điều này.

2. Duy trì sự cân bằng giữa công việc và gia đình

Các nghiên cứu trước đây thừa nhận rằng, phụ nữ thường gặp rất nhiều khó khăn từ áp lực công việc gia đình khi họ tham gia các hoạt động xã hội. Phát hiện của chúng tôi trong nghiên cứu tại tỉnh An Giang cũng cho kết quả tương tự. Có tới 91,6% các nhà khoa học nữ được hỏi cho rằng phụ nữ luôn gặp khó khăn trong việc duy trì cân bằng giữa công việc và gia đình. Đồng thời, 94,1% ý kiến trả lời cho rằng gia đình có ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của họ. Trong đó, mức độ ảnh hưởng

rất nhiều chiếm 49,6%, mức độ có ảnh hưởng nhưng không nhiều là 44,5%.

Nghiên cứu cũng đã tiến hành phân tích sự khác biệt này theo tình trạng hôn nhân. Kết quả cho thấy, cán bộ nữ đã kết hôn cho rằng gia đình có ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động nghiên cứu của họ, chiếm 57,0% so với 32,2% cán bộ nữ chưa kết hôn. Còn số người trả lời “ảnh hưởng ít” là 36% cán bộ nữ đã kết hôn và 64,5% cán bộ nữ chưa kết hôn. Điều này đã phản ánh có sự khác biệt về mức độ ảnh hưởng của gia đình theo tình trạng hôn nhân. Cán bộ nữ đã kết hôn thường là người gánh vác trách nhiệm chăm sóc con cái, nội trợ và các công việc gia đình khác... - những việc chiếm rất nhiều thời gian - trong khi những phụ nữ chưa kết hôn thường không có nhiều vướng bận.

Thực tế cho thấy, gia đình luôn là rào cản không nhỏ đối với phụ nữ khi tham gia các hoạt động ngoài xã hội. Trong phân công lao động gia đình, phụ nữ được mặc định với công việc nội trợ, chăm sóc con cái... “Cho nên, sự giống nhau của hàng triệu phụ nữ là phải nấu ăn, rửa chén bát, ly tách, đưa con đi học, theo năm tháng trôi qua và họ ‘rớt cuộc’ chẳng còn lại điều gì cả” (Barbrara Kellerman và Deborah L. Rhode, 2009, tr.71). Dưới góc nhìn của hầu hết nam giới được phỏng vấn, có một nhận định chung rằng, gia đình có ảnh hưởng đối với phụ nữ khi tham gia nghiên cứu khoa học, tuy nhiên mức độ không quá nặng nề. Cũng có một số ý kiến cho rằng, bản thân nam giới cũng nhận thấy sự vất vả của các cán bộ nữ khi vừa làm công việc nghiên cứu, vừa phải đảm bảo “thiên chức” của mình. Theo đuổi sự nghiệp, đam mê nghiên cứu đôi khi có

thể dẫn đến nguy cơ đổ vỡ hạnh phúc gia đình. Bởi vậy, rất ít người dám đánh đổi hạnh phúc gia đình để tham gia nghiên cứu khoa học. Vì vậy, các ý kiến này tỏ ra đồng tình và thông cảm với các cán bộ nữ khi họ không tham gia nghiên cứu.

Nhìn chung, các bằng chứng nghiên cứu định tính và định lượng đã cho thấy, gia đình là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của phụ nữ, song, mức độ ảnh hưởng nhiều hay ít còn tùy thuộc vào hoàn cảnh và quan điểm của mỗi cá nhân.

3. Cơ chế, chính sách đầu tư cho nghiên cứu khoa học trên địa bàn còn chưa thực sự phù hợp

Theo kết quả khảo sát, 75,5% cán bộ khoa học nữ cho rằng cơ chế, chính sách đầu tư cho nghiên cứu khoa học chưa được quan tâm một cách thỏa đáng là rào cản khiến cho hoạt động nghiên cứu khoa học của họ khó khăn hơn. Có tới 55,6% cán bộ nữ được hỏi cho rằng, ở cơ quan, đơn vị của họ chưa có chính sách, cơ chế cụ thể để giúp đỡ cán bộ nữ tham gia nghiên cứu khoa học. Thống nhất với bằng chứng này, hầu hết ý kiến phỏng vấn sâu của nam giới và nữ giới đều thừa nhận rằng, hiện nay các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh An Giang chưa có một chương trình hay chính sách nào hỗ trợ phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học. Có chăng cũng chỉ bằng một số hình thức khen thưởng, song vẫn còn khá hạn chế.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, có 72,3% cán bộ khoa học nữ cho rằng thiếu đầu tư cơ sở vật chất, 70,6% cho rằng mức độ đầu tư vào khoa học chưa thỏa đáng cũng là yếu tố gây khó khăn cho phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa

học. Môi trường và điều kiện làm việc có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động nghiên cứu khoa học của người làm khoa học. Nhà khoa học làm việc trong môi trường không xem nghiên cứu khoa học là hoạt động sống còn của đơn vị, chưa có sự đầu tư thoả đáng cho nghiên cứu thì đồng nghĩa rằng, cơ hội tham gia nghiên cứu khoa học của họ sẽ bị hạn chế rất nhiều.

Các ý kiến trả lời đều thống nhất rằng, các đơn vị hiện nay chưa có chính sách cụ thể để khuyến khích cán bộ nữ tham gia nghiên cứu khoa học. 22,8% cán bộ nữ chưa hài lòng với chính sách khuyến khích, hỗ trợ. Trong số đó, hầu hết đều cho rằng chính sách khuyến khích, hỗ trợ chỉ là hình thức.

4. Các quy định về thanh quyết toán còn rườm rà, phức tạp, ngân sách cho nghiên cứu khoa học còn hạn hẹp

Các quy định về thanh quyết toán còn rườm rà, phức tạp dường như là tình trạng chung đối với các hoạt động khoa học hiện nay. Kết quả khảo sát cho thấy, 67,2% ý kiến cho rằng các quy định, thủ tục thanh quyết toán chưa phù hợp là yếu tố gây khó khăn trong việc tham gia nghiên cứu khoa học của các nhà khoa học nói chung và các cán bộ khoa học nữ nói riêng.

Theo một số ý kiến phỏng vấn sâu, nhiều khi sản phẩm nghiên cứu đã hoàn thành từ rất lâu nhưng vẫn chưa thể thanh quyết toán. Ngoài ra, “kinh phí để thực hiện một đề tài cấp cơ sở chỉ khoảng 30 triệu đồng, nhưng quy định phải thực hiện ở phạm vi rộng, số lượng mẫu được chọn phải lớn... Với kinh phí eo hẹp như vậy, rất khó có thể đảm bảo sản phẩm nghiên cứu có chất lượng. Vì vậy, nhiều cán bộ nữ không muốn tham

gia nghiên cứu cũng là điều dễ hiểu”.

5. Cơ chế đánh giá năng lực của cán bộ nữ chưa được quan tâm

Một phát hiện khác trong kết quả nghiên cứu của chúng tôi liên quan đến công tác đánh giá cán bộ. 60,2% cán bộ nữ cho rằng, cơ chế đánh giá năng lực cán bộ khoa học nữ còn chưa được quan tâm chính là một trong những rào cản đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học của họ. Một bằng chứng định lượng khác cũng củng cố thêm cho phát hiện này: có tới 63,8% cán bộ khoa học được hỏi cho rằng cơ quan, đơn vị của họ không lấy tiêu chí nghiên cứu khoa học để đánh giá, đề bạt cán bộ. Thành quả và sự cống hiến trong nghiên cứu khoa học chưa được xem xét, đánh giá, cân nhắc trong quá trình đề bạt cán bộ. 48,6% cán bộ nữ trường Đại học An Giang đồng ý với nhận định này. Bên cạnh đó, với riêng các cán bộ nữ, họ thường chỉ dừng ở các vị trí cán bộ cấp phòng, khoa, và cũng thường chỉ ở vị trí cấp phó.

Điều đó cho thấy, vẫn còn định kiến giới trong việc đánh giá năng lực của cán bộ nữ trong nhiều lĩnh vực, và cơ chế đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực quản lý đối với các cán bộ khoa học nữ còn chưa thực sự phù hợp.

III. Thay lời kết

Như vậy, các bằng chứng nghiên cứu cả định tính và định lượng của chúng tôi tại tỉnh An Giang cho thấy, trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phụ nữ còn gặp khá nhiều rào cản, từ những rào cản chủ quan xuất phát từ bản thân đến những rào cản khách quan liên quan đến gia đình, chính sách, môi trường làm việc... Từ quan điểm giới, kết quả nghiên cứu cho thấy

có sự thống nhất trong ý kiến ở cả hai giới về một số rào cản mà bản thân cán bộ khoa học nữ phải đối diện. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy, có sự khác biệt giới trong việc nhìn nhận mức độ ảnh hưởng của các rào cản đối với sự tham gia nghiên cứu khoa học của phụ nữ ở An Giang. Một số nam giới dường như vẫn còn thái độ định kiến đối với phụ nữ, một số khác lại tỏ ra thông cảm và chia sẻ với họ trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

Do đó, để tạo cơ hội tham gia và phát triển khả năng nghiên cứu khoa học của cán bộ nữ, nghiên cứu của chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

- Lãnh đạo các trường, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh An Giang cần *nhìn nhận, đánh giá một cách xứng đáng* về vai trò của các nhà khoa học nữ trong hoạt động nghiên cứu khoa học của đơn vị nhằm tăng tỷ lệ cán bộ nữ tham gia nghiên cứu khoa học. Đồng thời, tạo điều kiện cho cán bộ nữ có cơ hội học tập, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ.

- *Tạo cơ hội cho cán bộ nữ được chủ động lựa chọn thời gian công việc khi tham gia nghiên cứu khoa học.* Việc tạo điều kiện cho họ chủ động thời gian trong công việc khi tham gia nghiên cứu khoa học sẽ góp phần giúp họ cân bằng được thời gian dành cho công việc giảng dạy, công việc nghiên cứu và công việc gia đình, tạo điều kiện cho họ tham gia nghiên cứu khoa học. Theo đó, các đơn vị cần xây dựng quy chế làm việc cụ thể đối với các cán bộ vừa nghiên cứu khoa học, vừa giảng dạy. Chẳng hạn, nếu tham gia nghiên cứu khoa học thì sẽ được giảm thời gian đứng lớp; khi cán bộ đề xuất kế hoạch phù hợp, lãnh đạo các trường có thể phân công người thay thế

trong công việc giảng dạy.

- *Tích cực tuyên truyền làm thay đổi định kiến giới.* Theo đó, một mặt cần tuyên truyền, giáo dục để phụ nữ nói chung, cán bộ khoa học nữ nói riêng tự tin về khả năng của bản thân, vượt qua định kiến về giới. Bên cạnh đó, cần tuyên truyền nhằm thay đổi suy nghĩ của nam giới về phân công công việc gia đình, giúp phụ nữ có thêm thời gian dành cho khoa học.

- *Thúc đẩy sự đam mê nghiên cứu khoa học.* Trước hết, cần nêu gương các nhà khoa học nữ có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học; tuyên truyền để cán bộ nữ nhận thức đầy đủ về ý nghĩa quan trọng của nghiên cứu khoa học đối với bản thân họ và đối với xã hội. Bên cạnh đó, cần tạo môi trường sinh hoạt khoa học thuận lợi cho các nhà khoa học nói chung, đồng thời tổ chức nhiều diễn đàn, câu lạc bộ nghiên cứu khoa học. Hình thức sinh hoạt cần đa dạng và luôn có sự đổi mới. Ngoài ra, cần quan tâm hơn đến nguồn kinh phí cho nghiên cứu khoa học, góp phần giúp các nhà khoa học nói chung, nhà khoa học nữ nói riêng nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống. Những việc này được thực hiện tốt sẽ góp phần tạo sự hứng thú và đam mê trong nghiên cứu của các nhà khoa học nói chung và các cán bộ khoa học nữ nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Vân Anh, Trần Thị Lan (2010), "Vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực lãnh đạo quản lý", trong: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Nữ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Barbrara Kellerman và Deborah L. Rohode (2009), *Phụ nữ và quyền lãnh đạo*, Nxb. Đồng Nai, Đồng Nai.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Phát huy vai trò của trí thức nữ Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Đề tài khoa học cấp Bộ.
4. Trần Thị Kim Liên (chủ nhiệm) (2014), *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của phụ nữ trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo ở An Giang*, Đề tài khoa học thuộc Dự án “Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ nữ” do UNDP tài trợ.
5. Nguyễn Đình Tấn (2007), “Vai trò của nữ trí thức trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và giới*, số 2.
6. Lưu Phương Thảo (2002), “Phụ nữ nghiên cứu khoa học xã hội - những thuận lợi và khó khăn”, Tạp chí *Xã hội học*, số 2.
7. Nguyễn Thị Bích Thuận (2010), “Vai trò của người phụ nữ trong giáo dục và đào tạo”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nữ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Lê Tuấn (2011), *Gỡ bỏ những rào cản để nữ trí thức phát triển*, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Tri-thuc-viet-nam/Tri-thuc/2011/11978/Go-bo-nhung-rao-can-de-nu-tri-thuc-phat-trien.aspx>, truy cập ngày 12/3/2014.
9. Nguyễn Thị Tuyết (2007), “Nữ giảng viên đại học và hoạt động nghiên cứu khoa học”, Tạp chí *Nghiên cứu gia đình và giới*, số 4.
10. L'OREAL-UNESCO. http://www.phunutrongkhoaoc.com/home/index.php?option=com_content&view=article&id=6:tin-hinh-ph-n-trong-nganh-khoa-hc&catid=1:thong-tin-chung&Itemid=5, truy cập ngày 12/3/2014.